

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 198/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 6 năm 2026 của HĐND phường Kỳ Lừa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư năm 2026 (theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 23/12/2025)				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (sau điều chỉnh)	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương			Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		Vốn theo tiêu chí	Vốn sử dụng đất	Tăng thu tiền sử dụng đất		Điều chỉnh tăng thu sử dụng đất	Điều chỉnh tăng vốn tăng thu tiết kiệm chi		
1	2	3	5	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19	12.970	28
	TỔNG CỘNG					395.591	395.591	29.530	2.500	20.434	6.596	19.700	16.000	3.700	49.230	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ					9.464	9.464	2.500	2.500	-	-	1.800	-	1.800	4.300	
I	Giao thông					500	500	500	500	-	-	-	-	-	500	
	Xi măng giao thông	P Kỳ Lừa				500	500	500	500			-			500	
II	Thủy lợi					200	200	200	200	-	-	-	-	-	200	
	Xi Măng Thủy Lợi	P Kỳ Lừa				200	200	200	200			-			200	
III	Danh mục dự án khởi công mới					8.764	8.764	1.800	1.800	-	-	1.800	-	1.800	3.600	
1	Ngành, lĩnh vực giao thông					8.764	8.764	1.800	1.800	-	-	1.800	-	1.800	3.600	
-	Nâng cấp tuyến đường 4B cũ, đoạn rẽ vào chợ Bàn Ngà (Km9+200- Km10 + 140), phường Kỳ Lừa	Khối Bắc đồng I		2026-2028		8.764	8.764	1.800	1.800			1.800		1.800	3.600	
B	VỐN SỬ DỤNG ĐẤT					386.127	386.127	27.030	-	20.434	6.596	17.900	16.000	1.900	44.930	
I	Công tác đo đạc đất đai, địa chính (10%)	P Kỳ Lừa						2.703		2.043	660	1.600	1.600		4.303	
II	Trích nộp quỹ đất tỉnh (10%)	P Kỳ Lừa		2026				2.703		2.043	660	1.600	1.600		4.303	
III	Danh mục dự án khởi công mới			2026		87.934	87.934	21.323	-	16.047	5.276	10.800	10.800	-	32.123	
1	Ngành, lĩnh vực giao thông					23.699	23.699	5.000	-	5.000	-	4.200	4.200	-	9.200	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 25 đoạn QL 4B đến đoạn giáp với xã Công Sơn.	Khối pò Cại		2026-2028		14.538	14.538	1.500		1.500		4.100	4.100		5.600	
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 30 từ đoạn khối An Rinh II - khối Nà Pính, phường Kỳ Lừa.	Khối An Rinh II, Nà Pính		2026-2028		5.416	5.416	2.500		2.500		-			2.500	
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL 4B mới vào khối Nà bó, phường Kỳ Lừa	Khối Nà Bó		2026-2028		3.745	3.745	1.000		1.000		100	100		1.100	
2	Ngành, lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					64.235	64.235	16.323	-	11.047	5.276	6.600	6.600	-	22.923	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư năm 2026 (theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 23/12/2025)				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (sau điều chỉnh)	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương			Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		Vốn theo tiêu chí	Vốn sử dụng đất	Tăng thu tiền sử dụng đất		Điều chỉnh tăng thu sử dụng đất			Điều chỉnh tăng vốn tăng thu tiết kiệm chi
1	2	3	5	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19	12.970	28
-	Hạ tầng khu dân cư, tái định cư khối 28 phường Kỳ Lừa	Khối 28		2026-2028		64.235	64.235	16.323		11.047	5.276	6.600	6.600		22.923	
IV	Danh mục chuẩn bị đầu tư					298.193	298.193	300	-	300	-	2.000	2.000	-	2.300	
1	Ngành, lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					160.000	160.000	300	-	300	-	(100)	(100)	-	200	
1.1	Đầu tư Hạ tầng khu dân cư và tái định cư Quốc lộ 4B (giai đoạn 2)	Khối Bắc Đông 1		2027-2029		65.000	65.000	100		100		-			100	
1.2	Đầu tư Hạ tầng khu dân cư, tái định cư khối 21, phường Kỳ Lừa	Khối 21		2027-2029		75.000	75.000	100		100		(100)	(100)		-	
1.3	Đầu tư Hạ tầng khu dân cư, tái định cư khối 9, phường Kỳ Lừa	Khối 9		2027-2029		20.000	20.000	100		100		-			100	
2	Ngành, lĩnh vực giao thông					94.193	94.193	0	0	0	0	1.700	1.700	0	1.700	
2.1	Mở mới đường Tam Độ từ khối Tam Độ phường Kỳ Lừa đi xã Chiến Thắng	khối Tam Độ		2027-2029		3.650	3.650	-				300	300		300	
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường từ khối An Rinh I phường Kỳ Lừa đi xã Thống Nhất	khối An Rinh I		2027-2029		8.625	8.625	-				300	300		300	
2.3	Mở mới đường từ ĐT.235B mới vào khối Nà Ca phường Kỳ Lừa			2027-2029		1.488	1.488	-				100	100		100	
2.4	Cải tạo vỉa hè đường Lê Lai (đoạn Minh Khai-Tô Hiến Thành)			2027-2029		1.000	1.000	-				100	100		100	
2.5	Đường Lương Văn Tri (đoạn Thân Cảnh Phúc-Bà Triệu)			2027-2029		13.334	13.334	-				100	100		100	
2.6	Vỉa hè đường 3/2 (đoạn cầu Hợp Thành-trường Mầm non Hợp Thành)			2027-2029		28.296	28.296	-				100	100		100	
2.7	Tuyến Sơn Hồng - Công Sơn (điểm đầu Km7+200, điểm cuối Giáp xã Công Sơn), dài 10,3km, rộng 5m					7.800	7.800	-				100	100		100	
2.8	Thăm nhựa đoạn QL4B (cũ) (điểm đầu Km7+250, điểm cuối Km10+900 QL4B), dài 3,7km, rộng 8m					3.500	3.500	-				100	100		100	
2.9	Cải tạo nâng cấp vỉa hè Đoạn 1: Từ ngã ba thị trấn cao lộc (cũ) đến nghĩa trang liệt sỹ					4.500	4.500	-				100	100		100	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư năm 2026 (theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 23/12/2025)				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương			Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		Vốn theo tiêu chí	Vốn sử dụng đất	Tăng thu tiền sử dụng đất		Điều chỉnh tăng thu sử dụng đất	Điều chỉnh tăng vốn tăng thu tiết kiệm chi		
1	2	3	5	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19	12.970	28
2.10	Cải tạo nâng cấp vỉa hè Đoạn 2: Từ chợ Cao Lộc (cũ) đến hết địa phận khối 10 thị trấn cao lộc cũ					5.000	5.000	-				100	100		100	
2.11	Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang khuôn viên di tích quốc gia chùa Bắc Nga					5.000	5.000	-				100	100		100	
2.12	Chỉnh trang đường và vi hè khu vực phố Ngâu, khối An Ninh II, Phường Kỳ Lừa					2.000	2.000	-				100	100		100	
2.13	Dự án cấp nước sạch giai đoạn 1, phường Kỳ Lừa					10.000	10.000	-				100	100		100	
3	Ngành, lĩnh vực giáo dục đào tạo					44.000	44.000	-	-	-	-	400	400	-	400	
3.1	Cải tạo, sửa chữa trường MN Kỳ lừa			2027-2029		24.000	24.000	-				100	100		100	
3.2	Mở rộng, đầu tư xây dựng trường tiểu học Hợp Thành					10.000	10.000	-				100	100		100	
3.3	Cải tạo sửa chữa trường THCS Hoàng văn Thụ					5.000	5.000	-				100	100		100	
3.4	Mở rộng đầu tư xây dựng trường THCS Gia Cát					5.000	5.000	-				100	100		100	
V	Danh mục dự án chuyển tiếp					-	-	-	-	-	-	1.900	-	1.900	1.900	
1	Ngành, lĩnh vực giao thông					-	-	-	-	-	-	1.900	-	1.900	1.900	
-	Kinh phí cải tạo chỉnh trang nút giao thông ngã tư Lý Thường Kiệt với đường Trần Phú khu đô thị Phú Lộc IV							-				1.900		1.900	1.900	